

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2025/DS-ST

Ngày: 24 – 11 – 2025

*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Từ Văn Nhứt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Khuru Liên Dung**;

2. Bà **Dư Thị Út**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tiểu My** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 152/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-DS ngày 17/10/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Mã Thị T**, sinh năm 1950; Đăng ký HKTT: Số Z, đường P, Khóm C, Phường B, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện tại: Số H, đường C, Khóm D, Phường V, tỉnh Cà Mau. (*vắng mặt*)

2. *Đồng bị đơn:* Ông **Bùi Minh H**, sinh năm 1979 và bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: Số X, đường C, Phường B, tỉnh Cà Mau. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mã Thị T trình bày:** Trước đây, bà có cho ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S vay tiền nhiều lần, khi cho vay tiền bà có ghi vào sổ nợ, tổng số nợ gốc hiện tại còn nợ bà số tiền là 41.000.000 đồng; Ông H và bà S có đóng lãi cho bà, nhưng bà không nhớ là bao nhiêu, nay bà thống nhất bỏ tất cả tiền lãi, chỉ còn số nợ gốc 41.000.000 đồng, ông H và bà S cam kết đến cuối năm 2024 sẽ trả cho bà, nhưng đến nay chưa trả.

Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S trả cho bà số tiền 41.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2025; Biên bản lấy lời khai ngày 20/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:** Bà S và ông H sống chung từ năm 2008, có đăng ký hôn và có 03 con chung. Trước đây đầu năm 2024, bà có vay tiền nhiều lần của bà Mã Thị T như bà T đã trình bày, tổng số nợ gốc hiện tại còn nợ bà T số tiền là 41.000.000 đồng, mục đích vay là làm vốn mua bán hủ tiếu, việc vay tiền của bà T ông H biết sự việc này, ông H đi làm cam kết sẽ gửi tiền về trả bà T. Nay đối với yêu cầu của bà T thì bà đồng ý trả nợ cho bà T. Tuy nhiên, do hoàn cảnh hiện tại khó khăn nên bà xin được trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ.

***Đối với bị đơn ông Bùi Minh H** không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông H để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, nhưng ông H vắng mặt.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị T đối với ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mã Thị T tổng số tiền nợ **41.000.000 đồng**.

- Về án phí: Buộc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mã Thị T khởi kiện yêu cầu ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S trả tiền vay, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng dân sự là đúng quy định. Đồng thời, bị đơn cư trú tại Phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Mã Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Bùi Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Mã Thị T yêu cầu đồng bị đơn ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay 41.000.000 đồng, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*, có nghĩa là bà Mã Thị T là nguyên đơn trong vụ án thì bà phải có nghĩa vụ chứng minh việc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S có vay tiền của bà.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Mã Thị T có cung cấp cho Tòa án một *“Giấy biên nhận”* có thể hiện nội dung: *“bà S và ông H có mượn bà T tổng số tiền là 41.000.000 đồng và hứa cuối năm 2024 sẽ trả toàn bộ”*; Bên cạnh đó, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17 tháng 10 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 11 năm 2025 bà S thừa nhận, có vay tiền của bà T đến nay còn nợ bà T tổng số tiền 41.000.000 đồng. Xét thấy: Việc thừa nhận của bà S là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Từ đó, cho thấy bà Mã Thị T có cho ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 41.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế, đến nay ông H và bà S không trả tiền cho bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, từ đó yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị T là có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Mã Thị T về việc yêu cầu ông Bùi Minh H cùng có trách nhiệm liên đới với bà S trả khoản nợ vay như đã nêu trên cho bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Bùi Minh H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án. Tuy nhiên, bà S xác định, bà và ông H sống chung từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn, khoản tiền vay của bà T, bà S sử dụng vào mục đích kinh doanh trong gia đình (làm vốn mua bán hủ tiếu), ông H biết việc này. Từ đó, có cơ sở buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới với bà S trả tiền nợ vay cho bà T là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị T, buộc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T tổng số tiền 41.000.000 đồng.

[2] Đối với lãi suất chậm trả: Xét thấy, nguyên đơn bà Mã Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông Bùi Minh H để giải quyết vụ án nhưng ông H vắng mặt được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S liên đới phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 2.050.000 đồng.

- Bà Mã Thị T không phải chịu án phí.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát: Trên cơ sở phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thị T đối với ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mã Thị T số tiền 41.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 2.050.000 đồng.

- Bà Mã Thị T không phải chịu án phí. Bà Mã Thị T thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án, được Tòa án chấp nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 6 – Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Từ Văn Nhứt